

THÔNG TƯ
Quy định một số nội dung
về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo thống kê; điều tra thống kê; phân tích, dự báo, công bố, phổ biến, sử dụng thông tin thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê của Ngành Tư pháp.

2. Hoạt động thống kê thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được tiến hành trong các lĩnh vực sau:

- a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
- d) Tổ chức và người làm công tác pháp chế;

- đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật;
- e) Hòa giải ở cơ sở;
- g) Chuẩn tiếp cận pháp luật;
- h) Hộ tịch;
- i) Chứng thực;
- k) Lý lịch tư pháp;
- l) Nuôi con nuôi;
- m) Trợ giúp pháp lý;
- n) Đăng ký giao dịch bảo đảm;
- o) Luật sư;
- p) Công chứng;
- q) Giám định tư pháp;
- r) Đấu giá tài sản;
- s) Trọng tài thương mại;
- t) Hòa giải thương mại;
- u) Quản lý thanh lý tài sản;
- v) Tương trợ tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ).
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
3. Ủy ban nhân dân các cấp.
4. Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5. Phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
6. Các doanh nghiệp nhà nước.
7. Các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng.
8. Các tổ chức đấu giá tài sản, giám định tư pháp, hòa giải thương mại, quản lý thanh lý tài sản, trọng tài thương mại.
9. Hòa giải viên thương mại vụ việc, Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân.
10. Các tổ chức đăng ký giao dịch bảo đảm.

11. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

12. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thông tin thống kê

1. Thông tin thống kê Ngành Tư pháp bao gồm dữ liệu thống kê và bản phân tích các dữ liệu đó, được thu thập để phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và các nhiệm vụ khác của Bộ Tư pháp; phục vụ việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm thực hiện của Bộ Tư pháp và góp phần phục vụ các nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức thu thập thông tin thống kê Ngành Tư pháp:

a) Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp;

b) Điều tra thống kê;

c) Sử dụng dữ liệu hành chính.

3. Báo cáo thống kê gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất. Điều tra thống kê bao gồm điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia và điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Chương II

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ

Điều 4. Thể thức báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp thực hiện dưới dạng biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm các thông tin cụ thể về tên biểu báo cáo thống kê; tên cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo và nhận báo cáo (sau đây gọi là đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo); kỳ báo cáo; nội dung báo cáo; phân tổ; đơn vị tính; ngày tháng năm thực hiện báo cáo; họ tên, chữ ký của người lập biểu báo cáo, người kiểm tra biểu; họ tên, chữ ký của thủ trưởng cơ quan, tổ chức báo cáo, đóng dấu theo quy định và các nội dung khác có liên quan.

2. Trường hợp cần làm rõ hơn các thông tin có liên quan đến số liệu nêu trong các báo cáo thống kê và các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, đơn vị báo cáo bổ sung thêm phần thuyết minh (chú thích) theo một hoặc kết hợp các hình thức sau:

a) Thể hiện tại vị trí cuối cùng bên ngoài khung biểu mẫu báo cáo thống kê, phía trên của phần chữ ký nêu tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp nội dung chú thích không nhiều);

b) Thể hiện dưới hình thức Công văn (theo mẫu chi tiết quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Hình thức báo cáo thống kê

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này, căn cứ vào điều kiện thực tế của đơn vị mình lựa chọn một trong các hình thức dưới đây để gửi báo cáo đến đơn vị nhận báo cáo:

1. Báo cáo bằng văn bản giấy có chữ ký của Thủ trưởng, dấu của đơn vị thực hiện báo cáo, gửi về đơn vị nhận báo cáo theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử được thể hiện bằng một trong hai hình thức sau đây:

a) Văn bản điện tử dưới dạng ảnh (định dạng pdf) của báo cáo giấy theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo bằng tiện ích trên Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp do Bộ Tư pháp chủ trì thống nhất xây dựng và triển khai.

Điều 6. Báo cáo thống kê định kỳ

1. Kỳ báo cáo:

Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm theo định kỳ 6 tháng và một năm theo hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê về công tác tư pháp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm. Gồm số liệu thực tế và số liệu ước tính trong kỳ báo cáo. Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5;

b) Kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Bao gồm:

Báo cáo năm (phục vụ tổng kết công tác tư pháp): Gồm số liệu thực tế và số liệu ước tính trong kỳ báo cáo.

Đối với báo cáo của các đối tượng thuộc khoản 1 và 2 của Điều 2 Thông tư này (trừ Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực báo cáo về chứng thực, nuôi con nuôi): Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Đối với báo cáo của các đối tượng thuộc khoản 3 đến khoản 12 Điều 2 Thông tư này: Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Báo cáo năm chính thức: Gồm toàn bộ số liệu thực tế được thực hiện trong kỳ báo cáo (được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm).

2. Thời hạn nhận báo cáo:

a) Thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ của mỗi cấp báo cáo được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê và tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp thời hạn báo cáo thống kê nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Ước tính số liệu thống kê:

a) Việc ước tính số liệu thống kê quy định tại Thông tư này được thực hiện trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm (để phục vụ sơ kết, tổng kết công tác tư pháp theo định kỳ). Chủ thể báo cáo được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Số liệu ước tính là số liệu của khoảng thời gian sẽ diễn ra trong kỳ báo cáo, có sử dụng phương pháp chuyên môn để ước tính;

b) Phương pháp ước tính số liệu và cách ghi số liệu thực tế, số liệu ước tính được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trong các kỳ báo cáo, các đơn vị báo cáo chỉ báo cáo số liệu thực tế, không phải báo cáo số liệu ước tính. Các đơn vị báo cáo tự ước tính để phục vụ quản lý nội bộ. Cục Kế hoạch – Tài chính, Bộ Tư pháp chủ động ước tính trên phạm vi cả nước.

4. Phạm vi nội dung báo cáo:

a) Trên cơ sở quy định về chế độ báo cáo thống kê định kỳ và hệ thống biểu mẫu kèm theo Thông tư này, căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành, trong trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn cụ thể về phạm vi nội dung báo cáo thống kê định kỳ 6 tháng, báo cáo năm để phục vụ hoạt động sơ kết, tổng kết công tác tư pháp;

b) Phạm vi báo cáo năm chính thức được thực hiện đầy đủ theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Báo cáo thống kê đột xuất

1. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện để giúp Bộ Tư pháp thu thập, tổng hợp các thông tin ngoài các thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ được quy định tại Thông tư này.

2. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản có chữ ký của Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Kết cấu, nội dung, phương thức, kỳ hạn báo cáo, thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo thống kê đột xuất, nơi nhận báo cáo và các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo văn bản yêu cầu của Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Điều 8. Phạm vi thống kê, trách nhiệm của đơn vị thực hiện báo cáo và đơn vị nhận báo cáo

1. Phạm vi thống kê:

Đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tiến hành thu thập, tổng hợp thông tin thống kê từ chứng từ và sổ ghi chép dữ liệu ban đầu, từ các báo cáo thống kê của đơn vị cấp dưới và các cơ quan, tổ chức khác có trách nhiệm báo cáo; kết quả của các cuộc điều tra thống kê, kết quả khai thác số liệu trích xuất từ phần mềm cơ sở dữ liệu hành chính của Ngành Tư pháp và nguồn thông tin chính thức của các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật và Thông tư này để phục vụ quản lý Ngành và phục vụ việc thu thập, tổng hợp số liệu thống kê thuộc chỉ tiêu thống kê quốc gia được giao theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện báo cáo:

a) Ghi chép, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo trung thực, chính xác, đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

b) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê đối với các thông tin thống kê thuộc thẩm quyền để kịp thời đính chính, bổ sung, điều chỉnh những số liệu còn sai sót, còn thiếu và chưa chính xác trong báo cáo thống kê. Chính lý hoặc bổ sung các thông tin cần thiết có liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo;

c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật thống kê và quy định tại Thông tư này;

d) Thủ trưởng đơn vị báo cáo có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện quy định tại các điểm a, b, c của khoản 2 Điều này;

Phân công người kiểm tra biểu mẫu thống kê để thực hiện việc tự kiểm tra về thể thức và nội dung báo cáo thống kê trước khi ký báo cáo gửi cấp có thẩm quyền theo một trong các hình thức quy định tại Điều 5 của Thông tư này đồng thời chịu trách nhiệm trước cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về nội dung báo cáo.

3. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo:

a) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp số liệu thống kê và thông tin có liên quan từ các báo cáo thống kê nhận được theo thẩm quyền để xây dựng báo cáo thống kê của cấp mình;

b) Kịp thời yêu cầu cơ quan thực hiện báo cáo thống kê đính chính, bổ sung, điều chỉnh những số liệu còn sai sót, còn thiếu hoặc cần xác định lại tính chính xác trong nội dung báo cáo thống kê;

c) Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành đối chiếu thông tin thống kê nhận được hoặc căn cứ vào các nguồn thông tin chính thức khác có được theo thẩm quyền quản lý nhà nước để bổ sung, chỉnh lý số liệu thống kê thu thập được nhằm bảo đảm tính chính xác,

toàn diện, trung thực, khách quan của thông tin thống kê thuộc trách nhiệm tổng hợp của cơ quan, tổ chức mình;

d) Nộp báo cáo thống kê đúng hạn cho các cấp sử dụng thông tin thống kê theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về thống kê và quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Chính lý, bổ sung số liệu trong báo cáo thống kê

1. Việc chỉnh lý, bổ sung số liệu thống kê được áp dụng trong trường hợp số liệu thống kê trong những báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định của Thông tư này còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý.

2. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo thống kê được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, tiện ích báo cáo trên phần mềm thống kê Ngành Tư pháp quy định tại Điều 5 của Thông tư này, trong đó ghi rõ thời gian lập báo cáo và có chữ ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng chữ ký số theo đúng quy định pháp luật của Thủ trưởng đơn vị nơi lập báo cáo thống kê.

Điều 10. Trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, tổng hợp, phân tích báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp

1. Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp là đầu mối trong việc tiếp nhận báo cáo thống kê gửi về Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Đôn đốc các đơn vị gửi báo cáo thống kê về Bộ Tư pháp theo đúng thời hạn báo cáo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

b) Phân loại đầy đủ và kịp thời chuyển báo cáo thống kê đến các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp;

c) Đôn đốc, kiểm tra kết quả xử lý báo cáo thống kê do các đơn vị thuộc Bộ gửi đến;

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này; phân tích, tổng hợp các thông tin thống kê chủ yếu để phục vụ kịp thời cho hoạt động sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của Ngành;

đ) Tổ chức xây dựng báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp và gửi đến Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Lập biểu báo cáo thống kê thuộc trách nhiệm của đơn vị mình theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp, phân tích báo cáo thống kê theo các lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị mình và kịp thời gửi kết quả xử lý, tổng hợp số liệu thống kê đến Cục Kế hoạch - Tài chính để phục vụ sơ kết, tổng kết và các hoạt động quản lý khác thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp;

c) Phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ trong việc tổng hợp, rà soát, phân tích số liệu từ các báo cáo thống kê để đảm bảo số liệu thống kê đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời và được sử dụng thống nhất, hiệu quả trong từng lĩnh vực quản lý thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp theo quy định.

Chương III

ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Điều 11. Phạm vi điều tra thống kê và thẩm quyền quyết định điều tra thống kê

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định các cuộc điều tra thống kê của Ngành Tư pháp để thu thập thông tin thống kê trong các trường hợp sau:

1. Các cuộc điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

2. Các cuộc điều tra thống kê ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm:

a) Điều tra thống kê để bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê;

b) Điều tra thống kê để thu thập các thông tin thống kê khi có nhu cầu đột xuất;

c) Các cuộc điều tra khác thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều tra thống kê theo kế hoạch

1. Điều tra thống kê theo kế hoạch là hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra đã được lập kế hoạch theo định kỳ, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch điều tra thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều tra thống kê đột xuất

1. Điều tra thống kê đột xuất là hoạt động thu thập thông tin thống kê bằng hình thức điều tra không nằm trong kế hoạch điều tra thống kê định kỳ của Bộ Tư pháp.

2. Căn cứ vào chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc tiến hành điều tra thống kê đột xuất và phân công đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện điều tra thống kê.

3. Đơn vị được phân công thực hiện điều tra thống kê đột xuất xây dựng kế hoạch và phương án điều tra thống kê theo quy định của pháp luật và Thông

tư này, đồng thời triển khai điều tra thống kê sau khi kế hoạch và phương án điều tra thống kê được phê duyệt.

Điều 14. Lập phương án điều tra thống kê

1. Mỗi cuộc điều tra thống kê trong Ngành Tư pháp phải có phương án điều tra thống kê do Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

2. Phương án điều tra thống kê do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì xây dựng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung của phương án điều tra thống kê theo quy định của pháp luật và gửi tới Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp lấy ý kiến góp ý về chuyên môn thống kê.

Trong thời gian 05 ngày sau khi nhận được văn bản góp ý của Cục Kế hoạch - Tài chính, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm hoàn thiện phương án điều tra thống kê và gửi về Cục Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, gửi Tổng cục Thống kê để có ý kiến thẩm định về chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

Điều 15. Tổ chức hoạt động điều tra thống kê

Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan tổ chức triển khai hoạt động điều tra thống kê sau khi phương án điều tra thống kê nêu tại Điều 14 của Thông tư này được phê duyệt. Kết quả điều tra thống kê phải được gửi về Cục Kế hoạch - Tài chính để theo dõi chung và tổng hợp vào sản phẩm thông tin thống kê của Ngành Tư pháp.

Việc tổ chức hoạt động điều tra thống kê, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiến hành điều tra, người thực hiện điều tra thống kê và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê được thực hiện theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê.

Chương IV

PHÂN TÍCH, DỰ BÁO, CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN, SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP

Điều 16. Phân tích, dự báo; lưu giữ thông tin thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê Ngành Tư pháp

1. Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ thực hiện các hoạt động phân tích, dự báo thông tin thống kê theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ, tiến hành xây dựng, phân tích, lưu giữ, khai thác các thông tin thống kê chung của Ngành Tư pháp và những hoạt động khác được giao nhằm giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý thông tin thống kê của Ngành theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và

các đơn vị có liên quan khác thuộc Bộ Tư pháp triển khai đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê của Ngành, gồm các hoạt động:

a) Hoàn thiện và triển khai Phần mềm báo cáo thống kê Ngành Tư pháp;

b) Tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, từ Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử, các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao để phục vụ cho hoạt động thống kê của Bộ Tư pháp và các hoạt động thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Công bố phổ biến, sử dụng thông tin thống kê

1. Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ Tư pháp xây dựng lịch phổ biến thông tin thống kê, trình Bộ trưởng ký ban hành trước khi tiến hành công bố, phổ biến thông tin thống kê, hoàn thiện các sản phẩm thống kê để trình Bộ trưởng công bố các thông tin thống kê chung của Ngành Tư pháp theo quy định.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc công bố thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý nhà nước đối với công tác tư pháp theo quy định của pháp luật trên cơ sở Lịch công bố, phổ biến thông tin thống kê của Bộ đã được phê duyệt.

Không công bố các thông tin thống kê của Ngành thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, những thông tin thống kê có trong các tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ tối mật và độ mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Tùy vào thời điểm công bố và tính chất mức độ thông tin được công bố, số liệu thống kê của Ngành Tư pháp được công bố gồm số liệu thống kê ước tính, số liệu thống kê sơ bộ, số liệu thống kê chính thức hoặc một trong các loại số liệu thuộc mức độ nói trên.

Thông tin thống kê được công bố là thông tin có giá trị pháp lý. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê của ngành Tư pháp đã được công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin.

3. Thông tin thống kê của Ngành Tư pháp được công bố, phổ biến thông qua các hình thức: Niên giám thống kê; hợp báo; các sản phẩm thống kê bằng văn bản điện tử đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp hoặc các hình thức công bố khác của Bộ Tư pháp trên cơ sở phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 18. Kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê của Ngành Tư pháp

1. Phạm vi nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê theo quy định của Thông tư này và các nội dung khác liên quan đến quản lý công tác thống kê thuộc phạm vi được giao.

2. Hình thức kiểm tra

- a) Kiểm tra định kỳ;
- b) Kiểm tra đột xuất.

3. Việc kiểm tra định kỳ công tác thống kê được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dưới hình thức một kế hoạch độc lập hoặc được lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra công tác tư pháp của cơ quan, tổ chức và kế hoạch này phải được thông báo trước cho cơ quan, tổ chức được kiểm tra ít nhất 15 ngày trước khi tiến hành kiểm tra.

4. Kiểm tra đột xuất công tác thống kê được thực hiện trên cơ sở quyết định của cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan, tổ chức đó theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

Cục Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện trách nhiệm nói trên.

2. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Thông tư này và bố trí các điều kiện đảm bảo thực hiện Thông tư phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp và các hoạt động thống kê khác quy định tại Thông tư này, bảo đảm cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, đúng thời hạn quy định.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và thay thế Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp.

2. Đối với những lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp nhưng hoạt động thống kê số liệu không được điều chỉnh trong Thông tư này thì việc thu thập, tổng hợp số liệu có tính chất thống kê được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành đó.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết. /TC

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC (05).

BỘ TRƯỞNG



Lê Thành Long